

Bản án số: 75/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30-9-2022

“V/v ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN BIÊN, TỈNH KIÊN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Thảo

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Lộc

2. Bà Trần Thu Trang

- Thư ký phiên tòa: Bà Tăng Thị Điền- Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Bà Lai Thị Ngọc Thúy- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 115/2021/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2022 về việc ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 150/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 8 năm 2022, và Quyết định hoãn phiên tòa số: 98/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị T, sinh năm 1990 (có mặt);

Địa chỉ: ấp TK, xã LK, huyện DH, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: Tổ 1, ấp 1, xã ST, huyện TB, tỉnh Đồng Nai.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn B, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Địa chỉ: ấp KL, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Trong đơn khởi kiện ngày 18/02/2022 và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Phạm Thị T trình bày và yêu cầu như sau:*

Chị và anh Lê Văn B chung sống với nhau vào năm 2014, có đăng ký kết hôn, được Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 27/01/2014. Quá trình chung sống chị và anh Lê Văn B không có con chung, không có tài sản chung, không có nợ người khác, người khác

không có nợ anh chị. Thời gian chung sống chị và anh Lê Văn B sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, trong sinh hoạt cuộc sống không còn hòa hợp nhau, chị và anh Lê Văn B sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay. Chị thấy, chị và anh Lê Văn B không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu giải quyết như sau: Về quan hệ hôn nhân, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ không có nên chị không yêu cầu giải quyết.

** Tại biên bản xác minh ngày 13/6/2022, về nguyên nhân mâu thuẫn và tình trạng hôn nhân:*

Anh Lê Văn B và chị Phạm Thị T chung sống với nhau có tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán của địa phương, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, sống được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, do anh Lê Văn B ăn chơi, không lo làm ăn và thường xuyên vắng nhà.

** Bị đơn anh Lê Văn B:* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ cho anh Lê Văn B nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì đối với yêu cầu khởi kiện ly hôn của chị Phạm Thị T nên Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

** Tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án gồm:* Giấy chứng minh nhân dân Phạm Thị T và Sổ hộ khẩu; Giấy chứng nhận kết hôn Phạm Thị T và Lê Văn B; Biên bản xác minh ngày 13/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện An Biên.

** Tại phiên tòa:*

Nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thị T xác định chị và anh Lê Văn B không có con chung, tài sản chung và chị Phạm Thị T cam kết là không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn anh Lê Văn B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Về thủ tục tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi đưa vụ án ra xét xử và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký Tòa án thực hiện các thủ tục tố tụng từ khi thụ lý vụ án đến khi xét xử, xác định mối quan hệ pháp luật, đưa tư cách đương sự tham gia tố tụng, về thu thập tài liệu, chứng cứ chứng minh, tổng đạt các văn bản tố tụng và chuyển hồ sơ vụ án cho Viện Kiểm sát đúng trình tự thủ tục và thời gian quy định tại khoản 1 Điều 35, Điều 48, Điều 51, Điều 68, các Điều 208, 209, 210, 211, 239 và Điều 247 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đương sự thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của Pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do, đề nghị

xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Xét đơn khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B là có căn cứ chấp nhận nên đề nghị Hội đồng xét xử cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn B. Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thị T xác định chị và anh Lê Văn B không có con chung, tài sản chung và chị Phạm Thị T cam kết là không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị nên chị không yêu cầu giải quyết đề nghị miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn chị Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B và tranh chấp về ly hôn. Bị đơn cư trú tại ấp KL, xã Đ, huyện AB, tỉnh Kiên Giang nên xác định đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho anh Lê Văn B biết và ấn định thời gian để anh có ý kiến về việc chị Phạm Thị T khởi kiện ly hôn đối với anh nhưng anh không có ý kiến gì và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Tòa án tổ chức và thông báo cho các bên đương sự để tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh Lê Văn B vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Như vậy, đây là thuộc trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự nên Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung và tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho anh Lê Văn B nhưng anh vẫn cố tình vắng mặt đến lần thứ hai không có lý do. Đồng thời, tại phiên tòa lần thứ hai chị Phạm Thị T không yêu cầu hoãn phiên tòa. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh Lê Văn B theo quy định tại khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238 và Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét về quan hệ hôn nhân, chị Phạm Thị T và anh Lê Văn B chung sống với nhau và đi đăng ký kết hôn tại cơ quan Nhà nước có thẩm quyền (*Ủy ban nhân dân xã Đ, huyện AB là một trong những nơi cư trú của anh chị*) và được cấp giấy chứng nhận kết hôn số:10, ngày 27 tháng 01, quyển số 01/2014 ngày 27/01/2014, anh chị đảm bảo các điều kiện kết hôn khác theo quy

định của pháp luật là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận theo quy định tại Điều 9 của Luật hôn nhân và gia đình.

Xét khởi kiện của chị Phạm Thị T yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B, thời gian chung sống với anh Lê Văn B sống không hạnh phúc, vợ chồng bất đồng quan điểm, trong sinh hoạt cuộc sống không còn hòa hợp nhau, chị và anh Lê Văn B sống ly thân với nhau từ đầu năm 2020 đến nay, chị thấy chị và anh Lê Văn B không còn tình cảm vợ chồng, chị yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B nhưng anh Lê Văn B không có ý kiến yêu cầu gì, không quan tâm đến việc chị Phạm Thị T yêu cầu ly hôn với anh là vi phạm nghĩa vụ giữa vợ chồng thời gian dài, vợ chồng không chăm sóc, lo lắng lẫn nhau mà anh chị không có biện pháp hàn gắn để chung sống với nhau nên hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay chị Phạm Thị T cương quyết yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn B. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận đề nghị Kiểm sát viên và yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Thị T, cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn B là phù hợp quy định tại khoản 1 Điều 51, Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

Về quan hệ con chung, về tài sản chung và nợ, chị Phạm Thị T tự xác định chị và anh Lê Văn B không có con chung, không có tài sản chung và chị Phạm Thị T cam kết không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

[4] Về án phí, nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu nhưng được trừ vào số tiền đã tạm ứng án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 207, khoản 2 Điều 227, điểm b khoản 1 Điều 238, Điều 241, Điều 266 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 9, khoản 1 Điều 51 và Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTV QH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị T được ly hôn với anh Lê Văn B.

2. Về quan hệ con chung, tài sản chung và nợ: Chị Phạm Thị T tự xác định, chị và anh Lê Văn B không có con chung, không có tài sản chung và chị Phạm Thị T cam kết không có nợ người khác và người khác không có nợ anh chị, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Nếu sau này có phát sinh chia tài sản chung và nợ thì được xem xét giải quyết bằng vụ kiện khác.

3. Về án phí: Buộc chị Phạm Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000 đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0004835 ngày 10 tháng 6 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Biên, tỉnh Kiên Giang. Chị Phạm Thị T đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án 30/9/2022. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn luật định là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Biên;
- Chi cục THADS huyện An Biên;
- UBND xã Đ;
- Các đương sự;
- Lưu: HSVA,VP (Điện).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Văn Thảo